



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 14/06/2025 (Thứ Bảy)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mức nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
0.1	21:12	01:15	↗
3.3	04:51	08:00	↙
2.6	09:40	12:45	↗
3.3	14:00	17:00	↙
0.1	21:49	01:45	↗
3.3	05:34	08:45	↙

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đặng	SITC LIAONING	9.7	172	17,119	P/s3 - CL7	04:30	//0630	A6-DT07
2	P.Tuấn	CAPE FAWLEY	9.3	171	15,995	P/s3 - BNPH1	05:30	//0700	A3-DT07
3	T.Hiến	GSL AFRICA	10.3	200	27,213	P/s3 - CL5	08:30	//0800	A1-A6
4	Khái	MAERSK QINZHOU	10	186	32,965	P/s3 - CL4	06:30	//0800	A2-A5
5	Thịnh - Vinh	YM CONSTANCY	10.2	210	32,720	P/s3 - CL4-5	12:00	//1500	A5-A6
6	Trung - N.Hiến	MILD ORCHID	10.1	172	18,166	P/s3 - CL1	12:00	//1400	A1-A5
7	A.Tuấn - H.Thanh	KOTA NEBULA	10.5	180	20,902	P/s3 - CL3	11:30	//1430	A5-A6
8	Nghị - Quyền	OPTIMA	6.9	146	9,963	H25 - TCHP	20:30	SR	
9	Đ.Minh - Chính	SM JAKARTA	8.3	168	16,850	P/s3 - BNPH1	21:00	//0000	

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Cường	ACX CRYSTAL	10.5	223	29,060	CM4 - P/s3	08:00	MT-VTX	A9-A10
2	Phú - Chương	YM UNICORN	11.4	333	91,586	CM2 - P/s3	07:00	MP	MR-KS-AWA
3	P.Thành - Nhật	YANTIAN I	9.8	351	109,149	P/s3 - CM4	08:00	Y/c MP	A9-A10-SF1
4	M.Tùng - Đức	YM TUTORIAL	12.2	334	118,523	CM3 - P/s3	14:00	MP-DL	MR-KS-AWA

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Duyệt	SAWASDEE CAPELLA	8.5	173	18,072	CL4-5 - P/s3	00:00		A5-A6
2	Hoàn	TD 55	3	53	299	CL2 - H25	02:00	SR	A3
3	Hà	HEUNG A BANGKOK	10.1	173	17,791	BP7 - P/s3	06:30		A5-A6
4	B.Long	KMTC PUSAN	9.5	169	16,717	CL7 - P/s3	07:30		A2-A3
5	N.Dũng - Uy	SITC HUIMING	9.2	186	29,426	CL3 - P/s3	08:30		A1-A5

6	N.Hoàng	INTERASIA MOMENTUM	9.5	200	27,104	CL4 - P/s3	09:00		A1-A5
7	A.Dũng	TS HOCHIMINH	10.4	189	27,208	CL5 - P/s3	11:30		A1-A6
8	Son	POS HOCHIMINH	8.8	173	18,085	CL4-5 - P/s3	14:30		A2-A6
9	N.Tuấn	KMTC BANGKOK	9	173	18,318	CL1 - P/s3	15:00		A1-A2
10	P.Cần	KMTC HAIPHONG	9	173	18,370	CL3 - P/s3	15:00		A2-A3
11	Đức	JOSCO ALMA	7.9	146	9,972	TCHP - H25	02:00		08-CSG96
STT	Hoa tiêu	Tàu dờ	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	M.Hải	KMTC BANGKOK	9.4	173	18,318	BP6 - CL1	00:00		A1-A2
2	H.Trường - Duy	KMTC HAIPHONG	8.5	173	18,370	BNPH1 - CL3	08:30		A2-A3
3	Đ.Long	SITC LIAONING	9.5	172	17,119	CL7 - CL7	01:00	Quay đầu tạo cầu	A1-A2
4	N.Thanh - Tân	MAERSK QINZHOU	10	186	32,965	CL4 - CL4	13:00	ĐX, Quay đầu tạo cầu	



TAN CANG
PILOT
PILOTING TO SUCCESS